

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2012/TT-BTTTT

*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2012***THÔNG TƯ****Quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất**

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông; Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất (sau đây gọi là dịch vụ thông tin di động) và việc quản lý hàng hóa viễn thông chuyên dùng trong dịch vụ thông tin di động (sau đây gọi là hàng hóa chuyên dùng thông tin di động) nhằm bảo đảm việc phát triển dịch vụ thông tin di động bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông.
2. Doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ thông tin di động (sau đây gọi là doanh nghiệp thông tin di động).
3. Đại lý giao kết hợp đồng phân phối SIM thuê bao, thẻ thanh toán với doanh nghiệp thông tin di động (sau đây gọi là đại lý phân phối) và tổ chức, cá nhân có giao kết hợp đồng với đại lý phân phối để bán SIM thuê bao, thẻ thanh toán cho khách hàng.
4. Người sử dụng dịch vụ thông tin di động (sau đây gọi là người sử dụng dịch vụ).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Hàng hóa viễn thông chuyên dùng thông tin di động bao gồm:

a) *Bộ xác định thuê bao (sau đây gọi là SIM)* là một thiết bị được sử dụng để gắn số thuê bao và chứa các dữ liệu, thông tin liên quan khác dùng cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động. SIM bao gồm:

- SIM trắng là SIM chưa gắn số thuê bao.
- SIM thuê bao là SIM đã gắn một số thuê bao xác định.

b) *Thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động (sau đây gọi là thẻ thanh toán)* là thẻ được nạp sẵn tiền dùng để thanh toán giá cước khi sử dụng dịch vụ thông tin di động. Mệnh giá thẻ thanh toán bằng số tiền được nạp sẵn trong thẻ.

2. *Kết nối viễn thông* là việc liên kết vật lý và logic các mạng viễn thông để người sử dụng dịch vụ viễn thông của mạng này có thể truy nhập đến người sử dụng hoặc dịch vụ của mạng kia và ngược lại. Kết nối viễn thông bao gồm:

a) *Kết nối người sử dụng dịch vụ vào mạng viễn thông (sau đây gọi là hòa mạng)* là việc kết nối thiết bị đầu cuối thuê bao gắn với tài nguyên viễn thông xác định (tần số, số thuê bao, tên miền, địa chỉ Internet, các tài nguyên khác) vào mạng viễn thông và đưa thiết bị đầu cuối thuê bao gắn với tài nguyên viễn thông đó vào hoạt động trên hệ thống thiết bị của doanh nghiệp (kích hoạt thuê bao) trên cơ sở giao kết hợp đồng giữa doanh nghiệp viễn thông và người sử dụng dịch vụ.

b) *Kết nối mạng viễn thông* là việc liên kết các mạng viễn thông tại bất kỳ điểm nào khả thi về kỹ thuật trên mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn, chất lượng và giá cước do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, trên cơ sở thỏa thuận kết nối giữa hai hoặc nhiều tổ chức, doanh nghiệp viễn thông.

3. Giá cước dịch vụ thông tin di động được xác định trên cơ sở giá thành, cung, cầu trên thị trường và mức giá cước dịch vụ viễn thông của khu vực và trên thế giới, bao gồm:

a) *Giá cước hòa mạng* là số tiền người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp thông tin di động khi giao kết hợp đồng để được quyền hòa mạng. Đơn vị tính là: Đồng Việt Nam (VND)/01 số thuê bao hòa mạng.

b) *Giá cước thuê bao* là số tiền người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp thông tin di động để được sử dụng dịch vụ thông tin di động của doanh nghiệp trong một đơn vị thời gian xác định. Đơn vị tính là: VND/ngày hoặc VND/tháng hoặc VND/năm.

c) *Giá cước thông tin* là số tiền người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp thông tin di động để được gửi, nhận các loại thông tin (thoại, dữ liệu, hình ảnh) qua mạng viễn thông của doanh nghiệp. Đơn vị tính là: VND/(phút, giây) hoặc VND/(Byte, Kbyte, Mbyte) hoặc VND/(cuộc, file, bản tin nhắn, các đơn vị khác).

4. Giá SIM thuê bao là số tiền người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp thông tin di động để có một SIM thuê bao. Giá SIM thuê bao bao gồm giá cước hòa mạng và giá SIM trắng. Đơn vị là: VND/SIM. (Ví dụ: giá cước hòa mạng đối với dịch vụ trả sau là 35.000 VND, giá SIM trắng là 15.000 VND, thì giá SIM thuê bao đối với dịch vụ trả sau là 50.000 VND).

Điều 4. Giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất

1. Giá cước hòa mạng được quy định là 35.000 VND/01 số thuê bao hòa mạng đối với dịch vụ thông tin di động trả sau và 25.000 VND/01 số thuê bao hòa mạng đối với dịch vụ thông tin di động trả trước. Không được tăng, giảm giá và khuyến mại đối với giá cước hòa mạng quy định tại Khoản này.

2. Giá cước hòa mạng thu một lần và thanh toán ngay khi khách hàng ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thông tin di động trả sau và khi khách hàng mua SIM thuê bao sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước.

3. Việc hòa mạng chỉ được thực hiện sau khi người sử dụng dịch vụ hoàn thành:

a) Ký hợp đồng và thanh toán tiền mua SIM thuê bao đối với dịch vụ thông tin di động trả sau.

b) Mua SIM thuê bao, đăng ký thông tin thuê bao và nạp tiền từ thẻ thanh toán vào tài khoản của SIM thuê bao đối với dịch vụ thông tin di động trả trước.

4. Giá cước thuê bao (nếu có) và giá cước thông tin do doanh nghiệp thông tin di động ban hành và thực hiện theo quy định về quản lý giá cước viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Điều 5. Quản lý hàng hóa chuyên dùng thông tin di động

1. Giá SIM thuê bao áp dụng cho người sử dụng dịch vụ do doanh nghiệp thông tin di động ban hành và thực hiện theo quy định về quản lý giá cước viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Doanh nghiệp thông tin di động, đại lý phân phối và các tổ chức, cá nhân bán SIM thuê bao phải niêm yết giá và bản SIM thuê bao cho người sử dụng dịch vụ theo đúng giá do doanh nghiệp thông tin di động ban hành.

2. Doanh nghiệp thông tin di động không được:

a) Lợi dụng vị trí thống lĩnh thị trường để bán, khuyến mại hoặc chiết khấu giảm giá SIM thuê bao thấp hơn giá thành toàn bộ của SIM trắng cộng với giá

cước hòa mạng quy định tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư này khi bán SIM thuê bao cho đại lý phân phối và người sử dụng dịch vụ nhằm cạnh tranh không lành mạnh và gây mất ổn định thị trường.

b) Nạp sẵn tiền vào tài khoản đối với tất cả SIM thuê bao đang lưu thông trên thị trường hoặc chưa hòa mạng.

3. Chỉ có doanh nghiệp thông tin di động mới được phát hành thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động. Doanh nghiệp thông tin di động có trách nhiệm:

a) Thông báo các loại thẻ, mệnh giá thẻ cho Bộ Thông tin và Truyền thông khi phát hành thẻ thanh toán.

b) Kiểm tra, giám sát các đại lý phân phối trong việc bán SIM thuê bao, thẻ thanh toán cho tổ chức, cá nhân và người sử dụng dịch vụ theo đúng quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp thông tin di động và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Bắc Sơn